

Số: 198 /BC-UBND

Quảng Ngãi, ngày 14 tháng 10 năm 2013

BÁO CÁO NHANH

Tình hình triển khai công tác phòng, tránh bão số 11

Báo cáo Đoàn công tác của Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải
kiểm tra phòng, chống bão số 11)

TRUNG TÂM CÔNG BÁO & TIN HỌC Q. NG	
CV	Số: 7048
ĐẾN	Ngày: 14/10/13
	Chuyên: 2

I. Diễn biến bão số 11 (bão NARI)

Hồi 04 giờ ngày 14/10/2013, vị trí tâm bão ở vào khoảng 15,6 độ Vĩ Bắc; 111,8 độ Kinh Đông, trên khu vực phía Nam quần đảo Hoàng Sa. Cách bờ biển các tỉnh Quảng Trị - Quảng Ngãi khoảng 330km về phía Đông. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão mạnh cấp 13, giật cấp 15, cấp 16. Dự báo trong 24 giờ tới, bão di chuyển theo hướng giữa Tây và Tây Tây Bắc, mỗi giờ đi được khoảng 15 km. Đến 04 giờ ngày 15/10, vị trí tâm bão ở vào khoảng 16,1 độ Vĩ Bắc; 108,3 độ Kinh Đông, trên vùng bờ biển các tỉnh Quảng Trị - Quảng Ngãi. Sức gió mạnh nhất ở vùng gần tâm bão mạnh cấp 11, cấp 12, giật cấp 13, cấp 14.

Do ảnh hưởng của bão, vùng biển ngoài khơi các tỉnh từ Quảng Trị đến Bình Định (bao gồm cả các đảo Lý Sơn và Cồn Cỏ) có gió mạnh cấp 7, cấp 8, sau tăng lên cấp 10, cấp 11, vùng gần tâm bão đi qua mạnh cấp 12, cấp 13, giật cấp 15, cấp 16. Biển động dữ dội. Ở Quảng Ngãi có mưa vừa, mưa to đến rất to. Ngoài ra, bộ phận không khí lạnh đã báo vẫn đang tiếp tục di chuyển xuống phía Nam. Dự báo, khoảng ngày mai (15/10), bộ phận không khí lạnh này sẽ ảnh hưởng đến các tỉnh Bắc Bộ, sau đó ảnh hưởng đến các nơi khác ở Bắc Bộ, Bắc và Trung Trung Bộ.

Vùng biển Quảng Ngãi từ hôm nay (14/10) đến ngày mai (15/10), có gió mạnh cấp 7, giật cấp 9, sau tăng lên cấp 9, cấp 10, giật cấp 11, cấp 12. Biển động rất mạnh. Vùng ven biển khu vực phía bắc tỉnh: huyện Bình Sơn, Sơn Tịnh sẽ có gió cấp 6, sau tăng lên cấp 7, có lúc cấp 8, giật trên cấp 9.

II. Công tác chỉ đạo phòng tránh bão

1. Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy PCLB&TKCN tỉnh đã ban hành Công điện số 22/CĐ-PCLB&TKCN hồi 17 giờ 00 phút ngày 10/10/2013; Ban Chỉ huy PCLB&TKCN tỉnh đã ban hành Công điện số 23/CĐ-PCLB&TKCN hồi 11 giờ ngày 12/10/2013 yêu cầu các Sở, ngành, địa phương liên quan triển khai công tác phòng, tránh bão.

2. Chiều ngày 13/10/2013, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Phó Thủ tướng và Ban Chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương, Trưởng Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh đã tổ chức họp lãnh đạo các Sở ngành, các huyện, thành phố để triển khai cụ thể công tác phòng chống bão số 11 trên địa bàn tỉnh; yêu cầu các thành viên Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh xuống địa bàn được phân công phụ trách để kiểm tra, phối hợp chỉ đạo triển khai các biện pháp phòng chống bão. UBND

tỉnh đã ban hành Công điện số 01/CD-UBND hồi 08 giờ 00 phút ngày 14/10/2013.

3. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh chỉ đạo các đài canh Bộ đội Biên phòng, các máy ICOM cộng đồng kêu gọi, thông báo cho các chủ phương tiện tàu thuyền còn đang hoạt động trên biển biết vị trí, diễn biến và hướng di chuyển của Bão số 11 để chủ động thoát ra khỏi hoặc không đi vào **khu vực nguy hiểm được xác định từ Bắc vĩ tuyến 12 đến Nam vĩ tuyến 19** và tìm nơi tránh trú bão an toàn. Tổ chức theo dõi, kiểm đếm tàu thuyền; thống kê cụ thể danh sách, vị trí, tình hình di chuyển tránh trú bão và thông tin liên lạc của các tàu thuyền đang hoạt động trong khu vực nguy hiểm, báo cáo Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh trước 11 giờ 00 phút ngày 14/10/2013. Thường xuyên giữ liên lạc với các chủ tàu thuyền; sẵn sàng lực lượng, phương tiện tìm kiếm cứu nạn.

III. Một số kết quả triển khai phòng chống bão (ban đầu)

1. Tình hình tàu thuyền:

- Đến 06 giờ 00 phút ngày 14/10/2013, tổng số tàu thuyền của tỉnh Quảng Ngãi trên các vùng biển là: **927 phương tiện/ 8.356 lao động**, trong đó:

- + Vùng biển quần đảo Hoàng Sa: 0 phương tiện;
- + Vùng biển quần đảo Trường Sa: 163 phương tiện/ 3.299 lao động;
- + Vùng biển các tỉnh phía Bắc: 309 phương tiện/ 2.196 lao động;
- + Vùng biển các tỉnh phía Nam: 156 phương tiện/ 1.031 lao động;
- + Vùng biển tỉnh Quảng Ngãi: 299 phương tiện/ 1.830 lao động.

- Tổng số tàu thuyền đã neo đậu tại các bến: 4.654 phương tiện.

- 100% tàu thuyền đang hoạt động trên các vùng biển đã nắm được thông báo và nội dung hướng dẫn phòng tránh bão.

2. Kế hoạch di dời, sơ tán dân cư

a) *Số dân cư trong kế hoạch di dời, sơ tán:* Các huyện, thành phố đã sẵn sàng phương án di dời, sơ tán dân cư phòng tránh bão số 11 và mưa, lũ do bão gây ra với tổng số 54.050 hộ/216.000 khẩu. Trong đó, đặc biệt chú trọng 5.189 hộ/ 21.370 khẩu có mức rủi ro cao trước ảnh hưởng của gió bão, mưa lớn, ngập lụt, sạt lở đất, hạ du công trình thủy điện,... ở các huyện thuộc khu vực phía Bắc tỉnh, cụ thể:

- Huyện Bình Sơn: 2.080 hộ/8.199 khẩu (Bình Mỹ: 101 hộ/505 khẩu; Bình Minh: 535 hộ/2.150 khẩu; Bình Chương: 428 hộ/1.420 khẩu; Bình Trung: 442 hộ/1.428 khẩu; Bình Dương: 400 hộ/2.000 khẩu; Bình Hải: 174 hộ/696 khẩu).

- Huyện Sơn Tịnh: 620 hộ/2.596 khẩu (Tịnh Kỳ: 430 hộ/1.806 khẩu; Tịnh Khê: 190 hộ/790 khẩu).

- Sơn Hà: 77 hộ/325 khẩu (Sơn Ba: 55 hộ/232 khẩu; Sơn Trung: 17 hộ/71 khẩu; Sơn Bao: 05 hộ/22 khẩu).

- Sơn Tây: 121 hộ/470 khẩu (vùng sạt lở đất: 08 hộ/28 khẩu; vùng lũ

quét: 113 hộ/442 khẩu).

- Tây Trà: 130 hộ/1.335 khẩu (vùng sạt lở núi: 130 hộ/545 khẩu; vùng lũ quét: 319 hộ/790 khẩu).

- Trà Bồng: 266 hộ/1.149 khẩu (Trà Sơn: 85 hộ/375 khẩu; Trà Lâm: 50 hộ/200 khẩu; Trà Giang: 16 hộ/79 khẩu; Trà Bùi: 20 hộ/65 khẩu; Trà Hiệp: 39 hộ/215 khẩu; Trà Bình: 36 hộ/143 khẩu; Trà Phú: 20 hộ/72 khẩu).

Ngoài ra, số dân cư có nguy cơ bị ngập lụt ở vùng hạ du hồ thủy điện Hà Nang theo phương án PCLB của công trình là 1.296 hộ/5.243 khẩu thuộc các xã: Trà Xuân, Trà Phú, Trà Bình, Trà Sơn, Trà Thủy.

- Tư Nghĩa: 560 hộ/ 2.218 khẩu (Nghĩa An: 433 hộ/ 1.720 khẩu, Nghĩa Phú: 127 hộ/498 khẩu).

- Lý Sơn: 39 hộ/160 khẩu (An Bình: 5 hộ/21 khẩu; An Vĩnh: 34 hộ/139 khẩu).

b) Tổ chức thực hiện kế hoạch di dời, sơ tán: UBND các huyện, thành phố đã lập và phê duyệt kế hoạch di dời, sơ tán nhân dân khi bão đổ bộ, với một số nội dung chính như:

- Thời điểm sơ tán: Nếu bão có khả năng đổ bộ từ tỉnh Quảng Nam trở vào thì sẽ thực hiện phương án di dời, sơ tán nhân dân, hoàn thành trước **21 giờ ngày 14/10/2013**.

- Địa điểm di dời, sơ tán đến: Là các trường học, trụ sở cơ quan, nhà dân kiên cố trên địa bàn, một số điểm dân cư ở Trà Bồng, Tây Trà được triển khai các nhà bạt, nhà tạm ở khu vực an toàn để phòng tránh sạt lở núi.

- Tổ chức theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão và mưa, lũ để triển khai phương án; đặc biệt ở khu vực có nguy cơ sạt lở núi, các huyện cử người theo dõi tại chỗ. Trưởng Ban Chỉ huy huyện là người chỉ đạo di dời, sơ tán.

- Lực lượng hỗ trợ nhân dân di dời, sơ tán chủ yếu là cán bộ chính quyền xã, thanh niên xung kích xã, dân quân tự vệ và lực lượng quân sự huyện.

- Chuẩn bị lương thực, thực phẩm (mì tôm, gạo, dầu ăn, nhiên liệu thấp sáng, ...) và một số trang thiết bị thiết yếu, thuốc men tại nơi sơ tán tập trung. Các huyện miền núi đã dự trữ gạo tại các xã (từ 1,5 - 2 tấn/xã); khu vực đồng bằng chủ yếu là dự trữ trong dân và có kế hoạch hiệp đồng cung cấp với các đại lý các mặt hàng như: gạo, mì tôm, nước uống,...).

- Hầu hết các huyện, xã đã tổ chức tuyên truyền, phổ biến kế hoạch di dời, sơ tán nhân dân trước mùa mưa bão ở các khu dân cư, nhất là ở khu vực có nguy cơ cao bị sạt lở núi, lũ quét và ngập sâu.

3. Phương án đảm bảo an toàn hồ chứa nước

a) Tóm tắt hiện trạng các hồ chứa nước: Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi đã đưa vào khai thác, sử dụng 117 hồ chứa thủy lợi; trong đó:

* 04 hồ chứa nước có dung tích trữ hồ ≥ 3 triệu m^3 và đập có chiều cao $\geq 15m$ (gồm: HCN Liệt Sơn, Diên Trường, Di Lăng, Núi Ngang).

* 11 hồ chứa nước có chiều cao đập $\geq 15m$ (gồm: HCN Sở Hầu, Hồ Cả,

Cây Quen, Hồ Quýt, Vực Thành, Cây Sanh, Suối Loa, Tôn Dung, Sinh Kiên, Đồng Giang và Hóc Sầm).

* Số hồ chứa còn lại có dung tích dưới 3,0 triệu³ và đập cao dưới 15m.

Đa số các hồ chứa thủy lợi được xây dựng trước năm 1989 (có 89/117 hồ chứa, chiếm khoảng 76%) theo phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm hoặc nhân dân làm, nhà nước hỗ trợ” nhưng nhiều công trình chưa được nâng cấp nên có nguy cơ xảy ra sự cố trong mùa mưa lũ.

Qua kết quả kiểm tra, đánh giá an toàn đập, có 32 hồ chứa nước xuống cấp nặng (*Chi tiết có Phụ lục 01 kèm theo*); 44 hồ chứa nước đang xuống cấp (*Chi tiết có phụ lục 02 kèm theo*).

b) Phương án PCLB các hồ chứa nước:

Các đơn vị quản lý hồ, đập đã tổ chức thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Trung ương, tỉnh về phương án đảm bảo an toàn hồ chứa trong mùa mưa lũ. Hàng năm, đối với các hồ chứa nước có dung tích trên 1 triệu m³ nước đều phải lập phương án PCLB riêng cho từng công trình. Trong năm 2013, qua kiểm tra, đánh giá an toàn hồ đập, tỉnh đã chỉ đạo các đơn vị quản lý 32 hồ chứa nước xuống cấp nặng phải xây dựng phương án PCLB riêng theo phương châm 4 tại chỗ.

Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh có 04 công trình thủy điện đang khai thác và chuẩn bị khai thác, cụ thể:

- Công trình thủy điện Hà Nang (Trà Bồng) đang vận hành khai thác.
- Công trình thủy điện Sông Riêng (Tây Trà), đang vận hành khai thác.
- Công trình thủy điện Đăkđrinh (Sơn Tây) đang chuẩn bị vận hành khai thác.
- Công trình thủy điện Cà Đú (Trà Bồng): Là công trình loại nhỏ, đầu mối là đập dâng, đang vận hành khai thác.

Trong đó, có 03 công trình đã được UBND tỉnh phê duyệt phương án PCLB công trình đầu mối và phương án đảm bảo an toàn cho vùng hạ du là: Hà Nang, Sông Riêng, Đăkđrinh.

IV. Một số nội dung cần tiếp tục triển khai

1. Tiếp tục thực hiện nghiêm túc nội dung Công điện số 1616/CĐ-TTg ngày 13/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ; Công điện số 77/CĐ-TW hồi 19 giờ 00 phút ngày 12/10/2013 của Ban chỉ đạo Phòng chống lụt bão Trung ương - Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm cứu nạn và Công điện số 01/CĐ-UBND hồi 08 giờ 00 phút ngày 14/10/2013 của UBND tỉnh. Các thành viên Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh tiếp tục bám sát địa bàn được phân công phụ trách để kiểm tra, phối hợp chỉ đạo Ban Chỉ huy PCLB và TKCN các địa phương triển khai các biện pháp phòng chống bão và mưa, lũ có thể xảy ra do ảnh hưởng của bão. Đặc biệt lưu ý các huyện khu vực phía Bắc của tỉnh (Bình Sơn, Sơn Tịnh, Trà Bồng, Tây Trà, Sơn Hà, Sơn Tây, Lý Sơn).

2. Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh phối hợp với Ban Chỉ huy PCLB

và TKCN các huyện ven biển và huyện Lý Sơn, Cảng vụ Hàng hải Quảng Ngãi:

- Duy trì thông tin liên lạc, theo dõi và kêu gọi các tàu thuyền đang di chuyển tránh trú bão; sẵn sàng các phương án cứu hộ, cứu nạn nếu có sự cố xảy ra.

- Tổ chức hướng dẫn sắp xếp, neo đậu tàu thuyền và các loại phương tiện vận tải thủy đảm bảo an toàn cho người và phương tiện ở nơi neo đậu.

3. Ban Chỉ huy PCLB và TKCN các huyện, thành phố:

- Theo dõi chặt chẽ diễn biến của bão và tình hình mưa, lũ, sẵn sàng triển khai phương án di dời, sơ tán nhân dân ở những vùng có nguy cơ cao bị sạt lở núi, sạt lở bờ sông, bờ biển, vùng trũng thấp. Huy động lực lượng sẵn sàng hỗ trợ nhân dân di dời, sơ tán, giúp nhân dân chằng chống nhà cửa. Ở những nơi dễ bị chia cắt, cô lập tùy theo diễn biến của bão, mưa, lũ phải chủ động bố trí lực lượng, phương tiện đến địa bàn trước để kịp thời hỗ trợ nhân dân phòng, chống bão, mưa, lũ và chủ động triển khai các biện pháp cứu hộ, cứu nạn.

- Các huyện ven biển và huyện Lý Sơn phối hợp với Bộ đội Biên phòng, các lực lượng chức năng hướng dẫn ngư dân neo đậu tàu thuyền an toàn **trước 17 giờ ngày 14/10/2013.**

- Cắt, tía cành, đốn chặt cây có nguy cơ đổ ngã; chuẩn bị lực lượng, phương tiện để xử lý ách tắc giao thông do hư hỏng đường sá, cây cối đổ ngã.

- Tổ chức thông tin, tuyên truyền thường xuyên cho nhân dân biết về diễn biến của bão số 11 để chủ động triển khai ứng phó.

- Cấm biển báo, bố trí người canh gác, hướng dẫn nhân dân qua lại ở các ngầm, tràn giao thông, những đoạn đường thường xuyên bị ngập lũ, các vị trí có nguy cơ bị sạt lở đất; tăng cường kiểm soát hoạt động của các bến đò ngang, đò dọc đảm bảo an toàn.

- Kiểm tra, rà soát, bổ sung các phương án chuẩn bị hậu cần, đặc biệt lưu ý việc dự trữ lương thực, thực phẩm. Tuyệt đối không để xảy ra tình trạng nhân dân bị đói, rét trong thời gian bị bão, lũ chia cắt, cô lập.

- Kiểm tra, rà soát, chuẩn bị sẵn sàng phương án bảo vệ an toàn các hồ chứa nước trên địa bàn; đặc biệt đối với các hồ chứa trong danh mục 32 hồ chứa nước xung yếu, xuống cấp đã được Sở Nông nghiệp và PTNT kiểm tra, thống kê, báo cáo.

4. Theo dõi chặt chẽ diễn biến mực nước các hồ chứa nước thủy lợi và hồ chứa nước công trình thủy điện thực hiện vận hành điều tiết đảm bảo an toàn công trình và hạ du, chủ động triển khai lực lượng cứu hộ để xử lý sự cố phát sinh đảm bảo an toàn tuyệt đối công trình.

5. Sở Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo Hiệu trưởng các trường học tùy theo diễn biến của bão và mưa, lũ chủ động cho học sinh nghỉ học để đảm bảo an toàn tính mạng cho học sinh.

6. Điện lực Quảng Ngãi kiểm tra, rà soát và triển khai các biện pháp đảm bảo an toàn lưới điện trong thời gian mưa, bão xảy ra.

7. Viễn thông Quảng Ngãi kiểm tra, tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch đảm bảo thông tin liên lạc trong mọi tình huống.

8. Sở Giao thông vận tải triển khai ngay các biện pháp duy trì giao thông thông suốt trên các tuyến đường huyết mạch, đặc biệt là các tuyến đường giao thông đến các huyện miền núi. Bố trí sẵn sàng lực lượng ứng phó, xử lý sự cố sạt lở đất trên các tuyến đường giao thông.

9. Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Công an tỉnh sẵn sàng triển khai lực lượng hỗ trợ các địa phương và nhân dân phòng, chống bão, lũ và phương án tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn. Công an tỉnh đảm bảo an toàn giao thông trên các tuyến quốc lộ, nhất là trên các đoạn đường thường xuyên bị ngập lũ và đảm bảo an ninh trật tự trong thời gian có bão, lũ xảy ra.

10. Trung tâm dự báo Khí tượng Thủy văn Quảng Ngãi, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh thường xuyên cung cấp chính xác thông tin về diễn biến của cơn Bão số 11 trên các phương tiện thông tin đại chúng để người dân và chính quyền địa phương chủ động theo dõi và tổ chức phòng chống bão có hiệu quả.

11. Duy trì lực lượng, phương tiện cứu hộ, cứu nạn để ứng cứu khi có yêu cầu.

12. Các Sở, ngành, địa phương phải tổ chức trực ban nghiêm túc, duy trì hệ thống thông tin liên lạc và báo cáo thường xuyên các công việc triển khai thực hiện về Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh; báo cáo phải cụ thể về: nhiệm vụ, địa điểm, số lượng lực lượng, phương tiện và kết quả thực hiện công việc đến thời điểm báo cáo.

UBND tỉnh Quảng Ngãi kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Phó Thủ tướng Hoàng Trung Hải;
- BCĐ PCLB Trung ương;
- Ủy ban Quốc gia TKCN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- UBMTQ VN tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm PCLB miền Trung và Tây Nguyên;
- Ban Chỉ huy PCLB và TKCN tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh;
- VPTT Ban chỉ huy PCLB&TKCN tỉnh;
- VPUB: CVP, PCVP(NL), các P N/cứu, CBTH;
- Lưu: VT, NN-TN(TV867).



PHỤ LỤC 01: TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ AN TOÀN VÀ CÁC HỒ CHỨA NƯỚC THUY LỢI XUỐNG CẤP NẶNG

(Kèm theo Báo cáo số 198/BC-UBND của UBND tỉnh Quảng Ngãi)



TT	Tên hồ chứa	Địa điểm		Đơn vị quản lý khai thác	Thông tin kỹ thuật										Thực trạng các hạng mục				
		Xã	Huyện		Flv (km2)	W toàn bộ (triệu m3)	Ft thiết kế (ha)	Ft thực tế (ha)	Hmax (m)	L (m)	Đai đập (m)	Kích thước (m)	Vật liệu	Trần xả lũ		Đập		Cống lấy nước	Trần xả lũ
1	Đà Bàn	Đức Tân	Mộ Đức	Cty KTCTTL	4.0	0.7	120	39	8.0	320		0.8	BTCT	15.0	Đá xây+BTCT	Thâm nặng		Hư hỏng nặng	Hư hỏng nặng
2	An Phong	Bình Mỹ	Bình Sơn	HTXNN Bình Mỹ	3.2	0.6	110	47	9.0	349	560	0.5	BT ống buy	35.6	BT+Đá xây	Thâm nặng		Hư hỏng nặng	Hư hỏng nặng
3	Liên Trì	Bình Hiệp	Bình Sơn	HTXNN Bình Hiệp	3.1	0.4	80	45	7.0	265		0.5	BT ống buy	24.0	Đất tự nhiên	Thâm nặng		Hư hỏng nặng	Hư hỏng nặng
4	Hóc Khê	Tịnh Bình	Son Tịnh	HTXNN Tịnh Bình	2.5	0.3	40	30	12.0	540		0.40	BT+Đá xây	6.0	Đất tự nhiên	Thâm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nặng
5	Cây Búa	Tịnh Giang	Son Tịnh	HTXNN Tịnh Giang	1.5	0.4	25	17	8.5	125		0.30	BT ống buy	10.0	Đất tự nhiên	Thâm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nặng
6	Đập Làng	Hành Tín Tây	Nghĩa Hành	UBND xã Hành T. Tây	5.0	0.54	80	70	13.0	325		0.50	BTCT	15.0	Đá xây+BTCT	Thâm nặng		Hư hỏng nặng	Hư hỏng nhẹ
7	Hóc Tùng	Tịnh Thọ	Son Tịnh	HTXNN Tịnh Thọ	2.4	0.4	45	14	13.0	125		0.40	BTCT	7.8	Đá xây	Thâm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
8	Lỗ Thùng	Đức Phú	Mộ Đức	HTXNN Phước Hòa	2.2	0.5	80	20	8.0	350		0.5	Ống thép	10.0	Đá xây+BTCT	Thâm nặng		Hư hỏng nặng	Hư hỏng nặng
9	Hố Hiếu	Tịnh Đông	Son Tịnh	HTXNN Tịnh Đông	1.5	0.7	70	37	7.0	172		0.35	BT ống thép	12.0	Đá xây	Thâm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
10	Gia Hội	Bình T. Đông	Bình Sơn	HTXNN Bình TĐông	2.7	0.7	100	69	10.0	380		0.6	BT ống buy	20.0	Đá xây	Thâm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
11	Gò Lang	Bình Hòa	Bình Sơn	HTXNN Bình Hòa	0.8	0.7	80	35	10.0	255	571	0.6	BT ống buy	8.0	Đá xây	Thâm nặng	Thâm nặng	Hư hỏng nặng	Hư hỏng nặng
12	Hóc Mua	Bình Phước	Bình Sơn	HTXNN Bình Phước	2.8	0.6	60	35.0	9.1	173		0.6	BT ống buy	8.0	Đất tự nhiên	Thâm nặng		Hư hỏng nặng	Hư hỏng nặng

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm		Đơn vị quản lý khai thác	Thông số kỹ thuật										Thực trạng các hạng mục				
		Xã	Huyện		Flv (km ²)	W toàn bộ (triệu m ³)	Ft thiết kế (ha)	Ft thực tế (ha)	Đập chính		Chiều dài đập phụ (m)	Cống lấy nước		Tràn xả lũ		Đập		Cống lấy nước	Tràn xả lũ
									Hmax (m)	L (m)		Kích thước (m)	Vật liệu	B (m)	Vật liệu	Đập chính	Đập phụ		
13	Hóc Cây	Phổ Cường	Đức Phổ	HTX NN Phổ Cường 2	2.0	0.66	60	40	10.0	300	500	0.40	BT ống buy	10.0	Đá xây	Thấm nặng	Thấm nặng	Hư hỏng nặng	Hư hỏng nhẹ
14	Châu Thuận	Bình Khương	Bình Sơn	HTXNN Bình Khương	1.2	0.4	60	34	7.0	297		0.3	BT ống thép	10.3	Đất tự nhiên	Thấm nặng		Hư hỏng nặng	Hư hỏng nhẹ
15	Tuyền Tung	Bình An	Bình Sơn	HTXNN Bình An	3.0	0.7	200	25	12.5	96		0.6	BT ống thép	60.0	BTCT	Thấm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nặng
16	Hồ Tạc	Nghĩa Thuận	Tư Nghĩa	HTX Mỹ Phú	0.7	0.2	30	15	6.0	210	180	0.3	BTCT	4.0	Đá Xây	Thấm nặng	Thấm nặng	Hư hỏng nặng	Hư hỏng nhẹ
17	Hồ Vàng	Bình Hiệp	Bình Sơn	HTXNN Bình Hiệp	0.9	0.3	50	20	8.3	214		0.4	BT ống buy	15.5	Đá xây	Thấm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
18	Hóc Cơ	Tịnh Trà	Sơn Tịnh	HTXNN Tịnh Hiệp	1.3	0.7	70	16	7.0	340		0.50	BT ống buy	10.0	Đất tự nhiên	Thấm vừa		Hư hỏng nặng	Hư hỏng nặng
19	Nam Bình Thượng	Bình Nguyên	Bình Sơn	HTXNN Bình Nguyên	2.5	0.3	25	20	7.0	330		0.4	BT ống buy	7.0	Đất tự nhiên	Thấm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
20	Hồ Đá	Bình Khương	Bình Sơn	HTXNN Bình Khương	1.2	0.7	73	70	11.0	68	227	0.6	BT ống buy	16.0	BT	Thấm nặng	Thấm nặng	Hư hỏng vừa	Hư hỏng nhẹ
21	Hóc Dọc	Bình Nguyên	Bình Sơn	Cty KTCTTL	1.2	0.4	95	40	10.5	217		0.5	BT ống buy	15.0	Đá xây	Thấm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
22	Cây Khế	Phổ Thạnh	Đức Phổ	HTX NN Phổ Thạnh	3.5	0.77	100	80	14.0	220		0.30	BTCT	26.0	BTCT	Thấm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
23	Sơn Rái	Tịnh Trà	Sơn Tịnh	HTXNN Tịnh Trà	2.5	0.6	75	62.0	12.0	200		0.50	BTCT	20.0	Đá xây	Thấm nặng		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
24	Hóc Bứa	Bình Tân	Bình Sơn	HTXNN Bình Tân	1.5	0.3	30	30	8.0	78		0.3	BT ống buy	10.0	BT	Thấm vừa		Hư hỏng vừa	Hư hỏng nhẹ
25	Hóc Mít	Bình Khương	Bình Sơn	HTXNN Bình Khương	1.0	0.4	40	35	7.0	157		0.3	BT ống thép	5.0	BTCT	Thấm vừa		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
26	Hồ Môn	Tịnh Giang	Sơn Tịnh	HTXNN Tịnh Giang	1.8	0.3	45	6	7.0	279		0.30	BT ống buy	7.0	Đất tự nhiên	Thấm vừa		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm		Đơn vị quản lý khai thác	Thông số kỹ thuật								Thực trạng các hạng mục						
		Xã	Huyện		Flv (km2)	W toàn bộ (triệu m3)	Ft thiết kế (ha)	Ft thực tế (ha)	Đập chính		Chiều dài đập phụ (m)	Cống lấy nước		Tràn xả lũ		Đập		Cống lấy nước	Tràn xả lũ
									Hmax (m)	L (m)		Kích thước (m)	Vật liệu	B (m)	Vật liệu	Đập chính	Đập phụ		
27	Ông Thơ	Phổ Khánh	Đức Phổ	HTX NN 2 Phổ Khánh	2.0	0.66	60	40	10.5	210		0.30	BTCT	15.0	BTCT	Thấm vừa		Hư hỏng vừa	Hư hỏng vừa
28	Châu Long	Bình Khương	Bình Sơn	HTXNN Bình Khương	0.8	0.4	20	16	8.0	152		0.5	BT ống buy	11.4	BTCT	Thấm vừa		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
29	Hàm Rồng	Bình Chánh	Bình Sơn	HTXNN Bình Chánh	2.0	0.6	120	80	9.3	171	125	0.5	BT ống thép	10.0	BT+Đá xây	Thấm vừa	Thấm vừa	Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
30	Phổ Tinh	Bình Phước	Bình Sơn	HTXNN Bình Phước	0.9	0.3	30	10	6.0	280		0.4	BT ống buy	6.5	Đất tự nhiên	Thấm vừa		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
31	Đá Bạc	Bình An	Bình Sơn	HTXNN Bình An	7.1	0.4	30	20	9.0	228		0.3	Ống PVC	8.0	Đất tự nhiên	Thấm vừa		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
32	Ruộng Choạy	Bình Đông	Bình Sơn	HTXNN Bình Đông	1.4	0.5	50	20	7.0	131		0.6	BT ống buy	7.2	Đất tự nhiên	Thấm vừa		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa

PHỤ LỤC 02: TỔNG HỢP KẾT QUẢ KIỂM TRA AN TOÀN ĐẬP CÁC HỒ CHỨA NƯỚC THỦY LỢI HIỆN BỊ XUỐNG CẤP

(Kèm theo Báo cáo ngày 14/10/2013 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm		Đơn vị quản lý khai thác	Thông số kỹ thuật										Thực trạng các hạng mục				
		Xã	Huyện		Flv (km2)	toàn bộ (triệu m3)	Et (triệu m3)	Et thực tế (ha)	Đập chính		Chiều dài đập phụ (m)	Cống lấy nước		Tràn xả lũ		Đập		Cống lấy nước	Tràn xả lũ
									Hmax (m)	L (m)		Kích thước (m)	Vật liệu	B (m)	Vật liệu	Đập chính	Đập phụ		
1	Ao Gió	Bình Hòa	Bình Sơn	HTXNN Bình Hòa	0.7	0.3	30	16.0	5.5	325		0.3	BT ống buy	9.7	BT+Đá xây	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
2	Bà Mau	Bình T. Đông	Bình Sơn	HTXNN Bình T. Đông	1.5	0.1	15	10.0	2.5	62		0.4	BT ống buy	9.5	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
3	Bình Nam	Bình Chương	Bình Sơn	HTXNN Bình Chương II	0.6	0.2	40	36.0	3.5	297		0.3	BT ống buy	12.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
4	Bình Yên	Bình Khương	Bình Sơn	HTXNN Bình Khương	0.8	0.5	40	8.0	8.5	194		0.4	BT ống buy	9.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
5	Cầu Điện	Bình Minh	Bình Sơn	HTXNN Bình Minh	0.4	0.0	5	4.5	4.0	51		0.3	BT ống buy	11.5	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng vừa	Hư hỏng vừa
6	Đội 13	Bình Long	Bình Sơn	HTXNN Bình Long	0.4	0.1	30	3.7	3.5	120		0.2	BT ống buy	10.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
7	Đội 14	Bình Long	Bình Sơn	HTXNN Bình Long	1.3	0.2	30	7.0	4.0	175		0.2	BT ống thép	4.4	BTCT	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
8	Hóc Bứa	Bình T. Tây	Bình Sơn	HTXNN Bình Tân	1.3	0.2	20	20.0	8.5	112		0.3	BTCT	8.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Còn tốt
9	Hố Chuối	Bình Trung	Bình Sơn	HTXNN Bình Trung	1.2	0.1	20	20.0	6.0	194		0.3	Ống PVC	6.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
10	Hố Chuối	Bình T. Đông	Bình Sơn	HTXNN Bình T. Đông	0.5	0.2	20	10.0	6.0	309		0.3	BT ống buy	7.8	BT+Đá xây	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
11	Hố Lùng	Bình T. Đông	Bình Sơn	HTXNN Bình T. Đông	0.8	0.4	50	20	7.0	251		0.4	BT ống buy	8.8	BT+Đá xây	Thẩm vừa		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
12	Hố Lờ	Bình Minh	Bình Sơn	HTXNN Bình Minh	0.8	0.1	10	9.0	2.5	40		0.3	Ống PVC	6.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
13	Hố Sâu	Bình Nguyên	Bình Sơn	HTXNN Bình Nguyên	0.5	0.1	10	6.0	3.5	36		0.2	Ống PVC	4.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm		Đơn vị quản lý khai thác	Thông số kỹ thuật										Thực trạng các hạng mục				
		Xã	Huyện		Flv (km ²)	W toàn bộ (triệu m ³)	Ft thiết kế (ha)	Ft thực tế (ha)	Đập chính		Chiều dài đập phụ (m)	Cống lấy nước		Tràn xả lũ		Đập		Cống lấy nước	Tràn xả lũ
									Hmax (m)	L (m)		Kích thước (m)	Vật liệu	B (m)	Vật liệu	Đập chính	Đập phụ		
14	Hồ Tuyên	Bình Trung	Bình Sơn	HTXNN Bình Trung	0.4	0.1	20	8.1	7.5	108		0.2	Ống PVC	6.8	BTCT	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
15	Hoà Hải	Bình Hòa	Bình Sơn	HTXNN Bình Hòa	2.5	0.4	50	2.4	5.0	180		0.3	BT ống buy	8.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
16	Hóc Cùg	Bình Thuận	Bình Sơn	HTXNN Bình Thuận	0.4	0.1	30	20.0	6.0	55		0.3	BT ống buy	2.5	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
17	Hóc Đông	Bình Nguyên	Bình Sơn	HTXNN Bình Nguyên	0.8	0.1	30	12.0	8.0	66		0.4	BT ống buy	8.5	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
18	Hóc Hai	Bình Trị	Bình Sơn	HTXNN Bình Trị	1.7	0.3	30	10.0	6.0	180		0.5	BT ống buy	11.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
19	Hóc Mốc	Bình Hòa	Bình Sơn	HTXNN Bình Hòa	0.9	0.4	30	7.6	7.0	170		0.3	BT ống thép	30.0	BT+Đá xây	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
20	Lỗ Tây	Bình T. Đông	Bình Sơn	HTXNN Bình T. Đông	0.5	0.2	15	10.0	7.0	332		0.4	BT ống buy	8.0	BT+Đá xây	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
21	Long Đình	Bình An	Bình Sơn	HTXNN Bình An	0.6	0.3	20	15.0	6.5	115		0.2	Ống PVC	3.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
22	Mỹ Thanh	Bình Minh	Bình Sơn	HTXNN Bình Minh	0.4	0.1	15	3.0	9.3	153		0.3	BT ống buy	6.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng vừa
23	Nam Bình Hạ	Bình Nguyên	Bình Sơn	HTXNN Bình Nguyên	1.1	0.6	120	95.0	9.0	237		0.4	BT ống thép	25.0	BTCT	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
24	Phước Hòa	Bình Khương	Bình Sơn	HTXNN Bình Khương	0.5	0.2	12	9.0	12.0	30		0.5	BT ống buy	11.5	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
25	Phước Tích	Bình Mỹ	Bình Sơn	HTXNN Bình Mỹ	1.1	0.2	25	10.0	5.0	229		0.4	BT ống buy	8.0	BT	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
26	Tân An	Bình Minh	Bình Sơn	HTXNN Bình Minh	0.6	0.1	10	16.3	8.1	179		0.5	BT ống buy	8.0	Đất tự nhiên	Thẩm nhẹ		Hư hỏng vừa	Hư hỏng nhẹ
27	Tân Hoà	Bình Đông	Bình Sơn	HTXNN Bình Đông	1.6	0.4	50	15.0	8.8	339		0.5	BT ống buy	12.0	Đá xây	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
28	Trung Tín	Bình Phước	Bình Sơn	HTXNN Bình Phước	2.2	0.2	15	15.0	3.2	95		0.4	BT ống buy	2.0	BT	Thẩm nhẹ		Hư hỏng vừa	Hư hỏng vừa
29	Bà Đồ	Bình T. Đông	Bình Sơn	HTXNN Bình T. Đông	1.0	0.2	12	10.0	10.0	140		0.3	BTCT	6.0	BTCT	Thẩm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ

TT	Tên hồ chứa	Địa điểm		Đơn vị quản lý khai thác	Thông số kỹ thuật										Thực trạng các hạng mục				
		Xã	Huyện		Flv (km ²)	W toàn bộ (triệu m ³)	Ft thiết kế (ha)	Ft thực tế (ha)	Đập chính		Chiều dài đập phụ (m)	Cống lấy nước		Tràn xả lũ		Đập		Cống lấy nước	Tràn xả lũ
									Hmax (m)	L (m)		Kích thước (m)	Vật liệu	B (m)	Vật liệu	Đập chính	Đập phụ		
30	Suối Khoai	Bình Trị	Bình Sơn	HTXNN Bình Trị	0.9	0.4	30	15.0	6.0	210	110	0.3	BT ống buy	4.0	Đá xây	Thấm nhẹ	Thấm nhẹ	Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
31	Hồ Đèo	Tịnh Hiệp	Sơn Tịnh	HTXNN Tịnh Hiệp	3.1	0.4	40	17.0	15.0	250		0.20	BT ống thép	8.0	Đá xây	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
32	Đá Chông	Tịnh Bình	Sơn Tịnh	HTXNN Tịnh Bình	3.5	0.4	30	30.0	8.0	226		0.35	BTCT	16.5	Đá xây	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
33	Bà Bông	Tịnh Đông	Sơn Tịnh	HTXNN Tịnh Giang	2.0	0.1	41	25.0	8.0	186		0.30	BT ống thép	7.0	BTCT	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
34	Hóc Lùng	Tịnh Phong	Sơn Tịnh	HTXNN Tịnh Phong	2.5	0.3	50	3.0	8.0	63		0.50	BT+Đá xây	10.5	Đá xây+BTCT	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
35	Hồ Vàng	Tịnh Hiệp	Sơn Tịnh	HTXNN Tịnh Hiệp	2.3	0.3	120	30.0	11.4	360		0,6x0,8	BTCT	20.0	Đá xây+BTCT	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
36	Ông Tới	Đức Lân	Mộ Đức	HTXNN Tú Sơn 1	3.1	1.5	150	120.0	11.0	1045		0.5	Ống thép	20.0	Đá xây+BTCT	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
37	Biểu Qua	Long Sơn	Minh Long	Phòng NN&PTNT huyện	2.1	1.07	192	47	19.0	318	228	0.50	BT ống thép	25.0	Đá xây+BTCT	Thấm nặng	Thấm nặng	Còn tốt	Còn tốt
38	Nước Bạc	Sơn Giang	Sơn Hà	UBND xã Sơn Giang	0.20	0.02	10	2.0	5.0	70		0.20	Ống thép	4.0	BTCT	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Còn tốt
39	Suối Thín	Trà Bù	Trà Bồng	UBND xã Trà Bù	2.00	0.13	25	10.0	7.0	100		0.30	Ống thép	3.0	BTCT	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
40	Rộc Sâu	Trà Xuân	Trà Bồng	UBND xã Trà Xuân	1.50	0.08	15	12.0	3.5	60		0.20	Ống thép		BTCT	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
41	Gò Bồng	Trà Xuân	Trà Bồng	UBND xã Trà Xuân	1.80	0.06	8	6.0	3.5	68		0.20	Ống thép		BTCT	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
42	Đồng Điện	Trà Xuân	Trà Bồng	UBND xã Trà Xuân	1.00	0.04	6	4.5	2.5	37		0.20	Ống thép		BTCT	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ
43	Hồ Tre	Nghĩa Thuận	Tư Nghĩa	HTXNN Nghĩa Phú	0.2	0.2	30.0	0.0	3.0	100.0						An toàn			
44	Đồng Điện	Nghĩa Lâm	Tư Nghĩa	HTXNN Nghĩa Lâm	0.5	0.2	30	0.0	8.0	245		0.3	BT+Đá xây	5.0	Đất tự nhiên	Thấm nhẹ		Hư hỏng nhẹ	Hư hỏng nhẹ